TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.
Các Hội thẩm nhân dân: **-** Ông: **Dương Văn Mạnh**.
- Ông: **Âu Văn Nghị**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Lê Hồng Chiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền -** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018; Tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Quách C**; Sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn***: Ông **Như Đ**; Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Quách C trình bày:

Bà Quách C và ông Như Đ có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng gần một năm thì quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán truyền thống. Sau khi kết hôn, ông bà làm ăn sinh sống tại xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và có với nhau hai người con chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, thêm vào đó ông Đ lo chơi bời không chăm lo kinh tế gia đình và con cái mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay bà C

xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách C yêu cầu được ly hôn với ông Như Đ.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 con chung tên Như D sinh ngày 01/02/2011; Như P; sinh ngày 22/11/2012. Bà C yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho bà nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Các bên đã tự thỏa thuận phân chia xong và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Như Đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Như Đ nhiều lần nhưng ông Đ không chấp hành, không đến tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án; về quan hệ hôn nhân: cho bà Quách C và ông Như Đ được ly hôn; về con chung: giao 02 con chung cho bà Quách C nuôi dưỡng và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Quách C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn ông Như Đ được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt; Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách C và bị đơn ông Như Đ đã tự nguyện đi đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/ 2010 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ chơi bời, không quan tâm chăm sóc, lo toan cho cuộc sống gia đình, con cái, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn bà Quách C.

[3] Về con chung: Bà Quách C và bị đơn ông Như Đ có 02 con chung là cháu Như D sinh ngày 01/02/2011; Như P; sinh ngày 22/11/2012. Xét bà C có yêu cầu nuôi

02 con chung và theo nguyện vọng con chung nên giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà Quách C và bị đơn ông Như Đ tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Quách C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Quách C và bị đơn ông Như Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Như D sinh ngày 01/02/2011; Như P; sinh ngày 22/11/2012 cho bà Quách C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Quách C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Quách C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003540 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- UBND xã R, huyện Đ;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS.

Đỗ Thị Thúy Phượng